

CÔNG TY TNHH KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ NHẬT LINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ NHẬT LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAT LINH BUSINESS AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NHAT LINH B & S CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2400809046

3. Ngày thành lập: 24/01/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Quang Biểu, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0983 115 374

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
2.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
3.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
4.	Xây dựng công trình công ích	4220
5.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng, đào đất bằng máy, lu lén và sản ủi bằng máy; Vận chuyển đất đá, phế liệu, dọn dẹp mặt bằng; Thi công các hàng mục bằng máy thi công: máy xúc, máy ủi, máy san gạt, máy lu, máy đầm.	4312(Chính)
6.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
7.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
8.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
9.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất than, củi, mùn cưa và các sản phẩm tương tự; Sản xuất, chế biến lâm sản, các sản phẩm tre nứa và gỗ các loại; Sản xuất các mặt điện máy, điện tử, đồ gia dụng; Sản xuất thiết bị nội thất, thiết bị văn phòng, vật liệu trang trí.	3290
10.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
11.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thay thế phụ tùng các hạng mục công nghiệp vừa và nhỏ	3319
12.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
13.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701

14.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
15.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
16.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
17.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
18.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
19.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
20.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, nước giải khát khác.	1104
21.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
22.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
23.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
24.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
25.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
26.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
27.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
28.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
29.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
30.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
31.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
32.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
33.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
34.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
35.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê xe ô tô các loại, cho thuê xe có động cơ khác.	7710
36.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
37.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
38.	Phá dỡ	4311
39.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
40.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa Chi tiết: Sản xuất gạch, ngói, gạch không nung các loại, gạch ốp lát và vật liệu xây dựng các loại.	2391
41.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
42.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị văn phòng, cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu.	7730
43.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790

44.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
45.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Gia công chế tạo và lắp dựng kết cấu thép, cầu trục các loại	2599
46.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
47.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
48.	Tái chế phế liệu	3830
49.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
50.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
51.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
52.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
53.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
54.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
55.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Điện công nghiệp, điện dân dụng, khí nén, điện lạnh, thông gió, viễn thông, công nghệ thông tin, tự động hóa, điện tử và các thiết bị thông minh nói chung; Thi công hệ thống phòng cháy, chữa cháy công nghiệp và dân dụng; Các hạng mục vườn hoa cây cảnh, công viên, cung cấp cây xanh, cỏ, hoa các loại; Công trình cấp thoát nước.	4290
56.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
57.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
58.	Xây dựng nhà các loại	4100
59.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
60.	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá	2396
61.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
62.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
63.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
64.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
65.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
66.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ được phẩm)	4649
67.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
68.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
69.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
70.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

71.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, nhà nghỉ.	5510
72.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
73.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
74.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
75.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
76.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
77.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm ngành nhựa nguyên liệu	2220

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN TRỌNG HỢP	Thôn Quang Biểu, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	1.500.000.000	50,000	121354618	
2	NGUYỄN TRỌNG LIÊN	Thôn Quang Biểu, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	1.020.000.000	34,000	121365403	
3	NGUYỄN TRỌNG CHÍNH	Khu 4, Phường Vệ An, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	480.000.000	16,000	125560232	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN TRỌNG HỢP

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/09/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121354618

Ngày cấp: 26/11/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Quang Biểu, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Quang Biểu, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang